TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 442/2022/DS-ST
Ngày: 21 - 9 - 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lại Thị Đắc.

2. Bà Thái Thục Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2022/TLST-DS ngày 12/5/2022 về việc *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đường X, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Đường Y, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 26/02/2020, bà Nguyễn Thị N có cho bà Nguyễn Thị B vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay là 02 năm, kể từ ngày 26/02/2020 đến ngày 26/02/2022, có thỏa thuận trả lãi, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền ngày 26/02/2020, tại Văn phòng công chứng Quận 8, số 13 đường 817A Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8, Thành phố

Hồ Chí Minh, số công chứng là 000896.

Hợp đồng vay tiền đến nay đã quá hạn nhưng bà B không trả tiền cho bà N. Bà N đã nhiều lần yêu cầu bà B trả tiền nhưng bà B không trả còn thách thức bà N thưa kiện. Quá trình vay, bà B đã trả cho bà N số tiền lãi 16.000.000 đồng.

Nay bà N làm đơn khởi kiện yêu cầu bà B trả lại số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi từ ngay vay đến ngày xét xử. Bà N đề nghị tính theo lãi suất quy định của pháp luật là 10%/năm. Bà N đồng ý cấn trừ số tiền lãi đã trả là 16.000.000 đồng vào số tiền lãi đến ngày xét xử mà bà B phải trả.

Bà N xác nhận số tiền cho bà B vay là tiền riêng của bà N không liên quan đến người khác và chỉ yêu cầu một mình bà N có nghĩa vụ trả nợ mà không yêu cầu ai khác liên đới cùng trả nợ.

Đối với hợp đồng cố nhà ngày 26/02/2020 thì sau khi bà N cho bà B vay 100.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền đã ký tại văn phòng công chứng thì để làm tin và để bà Nguyễn Thị B trả lãi thì hai bên có làm hợp đồng cố nhà nội dung là bà B cố cho bà N 01 phòng trọ, rồi bà N cho bà Nguyễn Thị B thuê lại giá 2.500.000 đồng/tháng. Tuy nhiên thì trong hợp đồng không thỏa thuận thuê phòng trọ nào và thực tế thì bà Nguyễn Thị B cũng không có phòng trọ nào để cố. Bà N xác định việc ký *"Hợp đồng cố nhà"* này chỉ là hợp đồng giả cách để đảm bảo cho việc thực hiện Hợp đồng vay tiền công chứng ngày 26/02/2020. Thực tế là bà N không hề nhận cố nhà từ bà Nguyễn Thị B và cũng không nhận khoản tiền nào từ việc cho bà Nguyễn Thị B thuê lại nhà cố này. Nay bà N đề nghị Tòa án xem xét tuyên bố hợp đồng cố nhà giữa bà N và bà B viết tay đề ngày 26.02.2020 vô hiệu do giả tạo.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B dù được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Xác định đúng tư cách đương sự; Thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt văn bản tố tụng; Thu thập chứng cứ đúng theo quy định; Tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự; Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định; Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn tham gia tố tụng tại tòa án thực hiện đúng qui định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N thì đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà Nguyễn Thị B hiện đang cư trú tại Quận 8 nên căn cứ theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do nguyên đơn xác nhận số tiền mà bà Nguyễn Thị N cho bà Nguyễn Thị B vay là tài sản riêng của bà N không liên quan đến người khác và chỉ yêu cầu một mình bà B có nghĩa vụ trả nợ mà không yêu cầu ai khác liên đới cùng bị đơn trả nợ và đề nghị Tòa án không triệu tập thêm người tham gia tố tụng nào khác. Do đó, Tòa án không xác định thêm người tham gia tố tụng.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi:

Xét Hợp đồng vay tiền đề ngày 26/02/2020 giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị B nội dung bà N có cho bà B vay số tiền 100.000.000 đồng trong thời hạn 02 năm, lãi suất do hai bên thỏa thuận. Hợp đồng này có thực hiện công chứng tại Văn phòng công chứng Quận 8 ngày 26/02/2020, số công chứng 000896. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận giao dịch dân sự về vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị B là có thật và hợp pháp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Sau khi ký hợp đồng bà N đã giao đủ số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho bà B. Quá trình vay tiền, bà B mới chỉ thanh toán cho bà N tổng số tiền lãi là 16.000.000 đồng. Đã hết thời hạn thanh toán mà không trả tiền như thỏa thuận. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay Tòa án đã nhiều lần tống đạt, niêm yết nhưng bà B cũng không đến Tòa để hai bên thỏa thuận thanh toán số tiền đã vay. Do bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là phù hợp với quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Xét theo hợp đồng vay tiền thì các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không thỏa thuận về mức lãi suất nên căn cứ quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 thì việc bà Nguyễn Thị N

yêu cầu bà Nguyễn Thị B thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày vay tiền là ngày 26/02/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử là ngày 21/09/2022 là có cơ sở để chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi bà B phải thanh toán cho bà N từ ngày 26/02/2020 đến ngày xét xử là ngày 21/9/2022 với mức lãi suất 10%/năm như sau: 100.000.000 đồng x 02 năm 06 tháng 25 ngày x 10%/năm = 25.683.889 đồng.

Tuy nhiên, ghi nhận việc bà B đã thanh toán cho bà N số tiền lãi là 16.000.000 đồng nên số tiền lãi còn lại là 25.683.889 đồng - 16.000.000 đồng = 9.683.889 đồng.

Như vậy tổng gốc và lãi là: 100.000.000 đồng + 9.683.889 đồng = 109.683.889 đồng.

Nguyên đơn xác nhận số tiền cho bà Nguyễn Thị B vay là tài sản riêng của bà N không liên quan đến người khác và bà chỉ yêu cầu một mình bà B có nghĩa vụ trả nợ mà không yêu cầu ai khác liên đới cùng bị đơn trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền gốc và lãi tính từ ngày 26/02/2020 đến ngày 21/9/2022 là 109.683.889 đồng (Một trăm lẻ chín triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn tám trăm tám mươi chín đồng), thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2]. Đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng cố nhà ngày 26/02/2020 vô hiệu:

Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày ngay sau khi cho bà Nguyễn Thị B vay tiền số tiền 100.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền đã công chứng thì để làm tin và để bà Nguyễn Thị B trả lãi thì hai bên có làm hợp đồng cố nhà nội dung là "*bà B cố cho bà N 01 phòng trọ, rồi bà N cho bà B thuê lại giá 2.500.000 đồng/tháng"* nhưng thực tế thì bà B không có nhà để cố và hai bên hoàn toàn không có việc cố nhà và cho thuê lại nhà. Xét tại hợp đồng cố nhà đề ngày 26/02/2020 không có ghi cụ thể là cố phòng trọ ở đâu, địa chỉ cụ thể và bà N xác định việc ký *"Hợp đồng cố nhà"* này chỉ là hợp đồng giả cách để đảm bảo cho việc thực hiện Hợp đồng vay tiền công chứng ngày 26/02/2020, do đó việc bà N yêu cầu tuyên Hợp đồng cố nhà (đề ngày 26/02/2020) vô hiệu do giả tạo là phù hợp với quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 407 Bộ luật Dân sự 2015 nên có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí, bị đơn là bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.484.194 đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 122, Điều 124, Điều 357, Điều 407, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N gốc và lãi tính từ ngày 26/02/2020 đến ngày 21/9/2022 là 109.683.889 đồng (Một trăm lẻ chín triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tuyên bố "Hợp đồng cố nhà" ngày 26/02/2020 giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị B là vô hiệu.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.484.194 đồng đồng (Năm triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn một trăm chín mươi bốn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016931 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Quân